



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787

Email: vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

Số: 345 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/08/2014 từ trang 03 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0294-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		99.156.543.235	97.723.543.504
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.994.532.344	865.392.369
1.	Tiền	111		2.994.532.344	865.392.369
II-	Các khoản phải thu	130		16.193.652.844	13.384.963.955
1.	Phải thu của khách hàng	131	5	16.366.942.997	13.758.466.101
2.	Trả trước cho người bán	132		366.786.546	200.000.000
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		116.897.353	83.471.906
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(656.974.052)	(656.974.052)
III-	Hàng tồn kho	140	6	79.196.592.542	82.459.456.285
1.	Hàng tồn kho	141		79.196.592.542	82.459.456.285
IV-	Tài sản ngắn hạn khác	150		771.765.505	1.013.730.895
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		479.349.590	481.500.074
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		266.015.915	514.121.020
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158		26.400.000	18.109.801
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260+269)	200		54.831.652.852	56.016.899.967
I-	Tài sản cố định	220		44.236.285.114	44.963.710.409
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	7	44.134.285.114	44.849.710.409
	- Nguyên giá	222		71.297.983.843	69.688.129.911
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.163.698.729)	(24.838.419.502)
2.	Tài sản cố định vô hình	227		102.000.000	114.000.000
	- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.000.000)	(6.000.000)
II-	Tài sản dài hạn khác	260		10.595.367.738	11.053.189.558
1.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8	10.595.367.738	11.053.189.558
III-	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		153.988.196.087	153.740.443.471

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MÃ SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		38.723.497.058	44.999.065.697
I-	Nợ ngắn hạn	310		38.723.497.058	44.999.065.697
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	9	11.564.519.700	30.916.339.584
2.	Phải trả cho người bán	312	10	15.416.920.812	7.703.410.473
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.472.383.152	337.162.123
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.408.148.697	3.033.571.027
5.	Phải trả người lao động	315		2.406.235.887	2.201.685.002
6.	Chi phí phải trả	316	12	1.744.920.347	103.609.531
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	2.988.107.657	270.812.931
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		722.260.806	432.475.026
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		107.037.924.372	100.529.830.415
I-	Vốn chủ sở hữu	410	14	107.037.924.372	100.529.830.415
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		843.774.606	646.751.137
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.052.610.145	1.020.609.893
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.219.539.621	3.940.469.385
C-	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.226.774.657	8.211.547.359
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		153.988.196.087	153.740.443.471

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại USD	2.420,28	2.038,75



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 08 năm 2014

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng	01		168.560.979.601	170.354.191.511
2. Các khoản giảm trừ	02		2.989.133.810	1.192.818.181
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	15	165.571.845.791	169.161.373.330
4. Giá vốn hàng bán	11	16	140.593.732.542	141.913.844.178
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		24.978.113.249	27.247.529.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.601.443	14.669.396
7. Chi phí tài chính	22	18	2.265.123.825	2.738.920.073
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.211.127.915	1.949.933.815
8. Chi phí bán hàng	24		4.800.797.165	4.047.391.531
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.407.246.959	6.298.399.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		12.510.546.743	14.177.487.409
11. Thu nhập khác	31		496.363.475	47.461.433
12. Chi phí khác	32		242.671.224	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		253.692.251	47.461.433
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.764.238.994	14.224.948.842
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	2.390.669.197	2.773.902.985
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		457.821.819	464.632.520
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		9.915.747.978	10.986.413.337
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		27.920.140	39.501.412
17.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		9.887.827.838	10.946.911.926
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.042	1.153



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 08 năm 2014

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	181.532.092.754	182.154.166.686
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(136.609.948.037)	(142.203.000.153)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.624.838.059)	(7.026.198.830)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.288.873.198)	(2.030.972.558)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.297.132.781)	(10.530.709.037)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	626.608.426	85.672.215
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.290.089.643)	(7.176.829.679)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	26.047.819.462	13.272.128.644
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.956.780.546)	(1.074.036.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	94.500.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.601.443	14.669.396
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(1.856.679.103)	(1.059.366.967)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.719.837.335	127.749.581.549
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(121.071.657.219)	(133.179.332.184)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.710.180.500)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(22.062.000.384)	(5.429.750.635)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	2.129.139.975	6.783.011.042
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	865.392.369	807.790.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	70	2.994.532.344	7.590.801.507



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 08 năm 2014

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 269 người (tại ngày 31/12/2013 là 208 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Các bên liên quan

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền 6 tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	3 - 5

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí điện nước, chi phí kinh doanh khác.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế được phân phối và trích lập các quỹ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.183.829.747	234.068.289
Tiền gửi ngân hàng	1.810.702.597	631.324.080
	<u>2.994.532.344</u>	<u>865.392.369</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	7.061.700.250	2.815.928.350
Công ty TNHH TM và SXKD Phú Đức Phát	2.418.211.166	1.768.167.807
Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	1.041.727.500	1.084.733.100
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai Electric Works	680.288.027	1.530.654.800
Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Việt Khoa	464.604.731	530.005.926
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Gia Nguyễn	350.307.504	10.000.055
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	346.265.040	112.765.950
Công ty TNHH Tân Thành	93.390.100	2.837.659.000
Các đối tượng khác	3.910.448.679	3.068.551.113
	<u>16.366.942.997</u>	<u>13.758.466.101</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	34.517.271.456	40.209.568.855
Công cụ, dụng cụ tồn kho	263.380.867	203.130.259
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.372.745.761	4.701.581.902
Thành phẩm	4.748.114.311	6.783.729.655
Hàng hóa tồn kho	34.295.080.147	30.561.445.614
	<u>79.196.592.542</u>	<u>82.459.456.285</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được hàng tồn kho	<u>79.196.592.542</u>	<u>82.459.456.285</u>

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	42.688.023.035	23.677.983.786	3.266.586.090	55.537.000	69.688.129.911
Mua sắm mới	93.440.000	750.526.000	1.077.814.546	35.000.000	1.956.780.546
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(346.926.614)	-	(346.926.614)
Số dư tại 30/06/2014	<u>42.781.463.035</u>	<u>24.428.509.786</u>	<u>3.997.474.022</u>	<u>90.537.000</u>	<u>71.297.983.843</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	9.505.205.534	13.990.632.150	1.342.581.818	-	24.838.419.502
Khấu hao trong kỳ	1.400.057.175	1.031.024.020	181.601.502	5.553.700	2.618.236.397
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(141.165.015)	-	(141.165.015)
Giảm khác	(151.792.155)	-	-	-	(151.792.155)
Số dư tại 30/06/2014	<u>10.753.470.554</u>	<u>15.021.656.170</u>	<u>1.383.018.305</u>	<u>5.553.700</u>	<u>27.163.698.729</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2014	<u>33.182.817.501</u>	<u>9.687.351.636</u>	<u>1.924.004.272</u>	<u>55.537.000</u>	<u>44.849.710.409</u>
Số dư tại 30/06/2014	<u>32.027.992.481</u>	<u>9.406.853.616</u>	<u>2.614.455.717</u>	<u>84.983.300</u>	<u>44.134.285.114</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại 30/06/2014 là 16.224.312.703 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 16.795.820.948 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do loại trừ lãi lỗ chưa thực hiện trong giao dịch góp vốn bằng tài sản của Công ty mẹ vào Công ty con và giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty mẹ và Công ty con.

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.595.367.738	11.053.189.558
	10.595.367.738	11.053.189.558

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	11.564.519.700	30.916.339.584
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng (i)	9.064.519.700	30.916.339.584
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (ii)	2.500.000.000	-
	11.564.519.700	30.916.339.584

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2013-HĐTĐHM/NHCT166-DCHP ngày 25/7/2013 được gia hạn từ hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 10/8/2012 với hạn mức cho vay 55.000.000.000 VND đã bao gồm dư nợ thực tế hết ngày 25/7/2013 của Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 10/8/2012 chuyển sang. Thời hạn duy trì mức cho vay từ ngày 25/7/2013 đến ngày 25/7/2014. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay theo ngành nghề kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND, lãi suất cho vay VND áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 99.13.257.1813703.TD với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ngày 26/12/2013 với hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày giải ngân tới 31/12/2014. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng (L/C) phục vụ cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh quạt điện, động cơ, thiết bị điện năm 2013 - 2014 của Điện cơ Hải Phòng. Lãi suất cho vay là lãi suất cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ từng lần. Bảo đảm tiền vay theo từng lần phát sinh quan hệ tín dụng, Ngân hàng nhận thế chấp hàng tồn kho luân chuyển tương ứng đảm bảo cho hạn mức tối đa 10 tỷ đồng nhưng không vượt quá 50% giá trị hàng tồn kho là thành phẩm, chi tiết theo Hợp đồng bảo đảm số 101.13.257.1813703.DB ngày 26/12/2013. Khi dư nợ, dư cam kết thanh toán L/C và bảo lãnh thanh toán của bên vay lớn hơn 10 tỷ đồng, bên vay bổ sung tài sản thế chấp là khoản phải thu luân chuyển từ các đối tác do Ngân hàng lựa chọn, tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Tổng dư nợ, cam kết thanh toán L/C và bảo lãnh thanh toán được đảm bảo bằng hàng tồn kho và khoản phải thu tối đa là 15 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Khi dư nợ, dư cam kết thanh toán L/C và bảo lãnh thanh toán lớn hơn 15 tỷ đồng, bên vay phải bổ sung tài sản bảo đảm là bất động sản/phương tiện vận tải/giấy tờ có giá theo đúng quy định của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Misubishi Electronics Việt Nam	9.768.190.350	-
Công ty TNHH Tân Thành	2.316.102.930	1.652.877.591
Công ty TNHH Tâm Chiến	1.024.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển Thành Nghĩa	398.002.040	236.287.113
Công ty TNHH TM - DV Dương Tường Giang	304.907.400	565.173.840
Công ty TNHH Ống thép 190	241.564.027	42.066.026
Công ty TNHH Sơn bột tĩnh điện Akzo Việt Nam	227.770.400	459.124.186
Công ty TNHH Sơn bột Đại Phú	216.079.991	67.999.800
Công ty CP Vật tư TM Phương Hạnh	203.500.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	-	2.900.700.000
Công ty TNHH Sản xuất TM & DV Trường Long Giang	-	944.350.000
Các đối tượng khác	716.803.674	834.831.917
	15.416.920.812	7.703.410.473

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.270.669.197	3.032.444.952
Thuế thu nhập cá nhân	137.479.500	1.126.075
	2.408.148.697	3.033.571.027

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	77.745.283
Trích trước chi phí khuyến mại, chiết khấu	59.502.671	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm	1.685.417.676	-
Chi phí phải trả khác	-	25.864.248
	1.744.920.347	103.609.531

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	233.547.326
Bảo hiểm xã hội	1.697.380	-
Trích trước chi phí chiết khấu theo sản lượng	2.976.808.120	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.602.157	37.265.605
	2.988.107.657	270.812.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2013	94.922.000.000	646.751.137	1.070.154.053	(12.049.350.330)	84.589.554.860
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.989.819.715	15.989.819.715
Tăng/(giảm) khác	-	-	(49.544.160)	-	(49.544.160)
Số dư ngày 01/01/2014	94.922.000.000	646.751.137	1.020.609.893	3.940.469.385	100.529.830.415
Lãi trong kỳ	-	-	-	9.887.827.838	9.887.827.838
Phân phối lợi nhuận	-	197.023.469	213.410.394	(761.097.602)	(350.663.739)
Giảm do phạt thuế	-	-	(181.410.142)	-	(181.410.142)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.847.660.000)	(2.847.660.000)
Số dư ngày 30/06/2014	94.922.000.000	843.774.606	1.052.610.145	10.219.539.621	107.037.924.372

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2014	01/01/2014	
Cổ phiếu phổ thông:			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ là 94.922.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng	168.560.979.601	170.354.191.511
<i>Các khoản giảm trừ</i>		
- Chiết khấu thương mại	(2.989.133.810)	(1.140.675.181)
- Hàng bán bị trả lại	-	(52.143.000)
Doanh thu thuần về bán hàng	165.571.845.791	169.161.373.330

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn hàng bán	140.593.732.542	141.913.844.178
	140.593.732.542	141.913.844.178

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.247.668.699	48.224.500.110
Chi phí nhân công	8.738.357.664	9.280.302.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.478.167.572	3.385.274.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.021.075	2.842.389.264
Chi phí khác	2.058.452.455	1.867.470.842
	64.036.667.465	65.599.936.952

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	1.211.127.915	1.949.933.815
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.493.484	71.369.533
Chiết khấu thanh toán	993.176.679	717.616.725
Chi phí tài chính khác	325.747	-
	2.265.123.825	2.738.920.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty mẹ</i>	10.508.727.659	10.568.926.449
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.508.727.659	10.568.926.449
Thuế suất	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ</i>	2.311.920.083	2.642.231.613
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty con</i>	357.950.512	526.685.487
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	357.950.512	526.685.487
Thuế suất	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con</i>	78.749.113	131.671.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất	2.390.669.197	2.773.902.985

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	9.887.827.838	10.946.911.926
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	1.042	1.153
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	11.564.519.700	30.916.339.584
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	865.392.369	2.994.532.344
Nợ thuần	10.699.127.331	27.921.807.240
Vốn chủ sở hữu	107.037.924.372	100.529.830.415
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>10,00%</u>	<u>27,77%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	01/01/2014
	VND
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	865.392.369
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.841.938.007
	<u>14.707.330.376</u>
Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ	30.916.339.584
Phải trả người bán, phải trả khác	7.974.223.404
Chi phí phải trả	103.609.531
	<u>38.994.172.519</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

6.
TY
HỮU
TÂN
O
P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.994.532.344	2.994.532.344
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.826.866.298	15.826.866.298
	<u>18.821.398.642</u>	<u>18.821.398.642</u>
Tại ngày 30/06/2014		
Vay và nợ	11.564.519.700	11.564.519.700
Phải trả người bán, phải trả khác	18.405.028.469	18.405.028.469
Chi phí phải trả	1.744.920.347	1.744.920.347
	<u>31.714.468.516</u>	<u>31.714.468.516</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>12.893.069.874</u>	<u>12.893.069.874</u>
	Dưới 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	865.392.369	865.392.369
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.841.938.007	13.841.938.007
	<u>14.707.330.376</u>	<u>14.707.330.376</u>
Tại ngày 01/01/2014		
Vay và nợ	30.916.339.584	30.916.339.584
Phải trả người bán, phải trả khác	7.974.223.404	7.974.223.404
Chi phí phải trả	103.609.531	103.609.531
	<u>38.994.172.519</u>	<u>38.994.172.519</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>24.286.842.143</u>	<u>24.286.842.143</u>

Chênh lệch thanh khoản thuần âm là do Công ty sử dụng vốn vay để mua hàng hóa, nguyên vật liệu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với khả năng tiêu thụ hàng hóa của Công ty như hiện nay có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	266.938.978	475.815.930

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu cùng kỳ năm trước (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013) đã được soát xét.



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 18 tháng 08 năm 2014

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu